

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

**HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM**

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-BGD ngày 15 tháng 10 năm 2014  
của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)*

**Tên chương trình: Quản trị Kinh doanh**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Ngành đào tạo: Quản trị Kinh doanh (Business Administration)**

**Mã số đào tạo: 52340101**

**Loại hình đào tạo: Chính quy**

---

### **1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Chương trình được thiết kế đảm bảo cho sinh viên sau khi ra trường đạt được những mục tiêu sau:

- Có tư duy kinh tế, kinh doanh và quản lý cơ bản, tổng hợp thông qua việc nắm vững và có khả năng đáp ứng những vấn đề đặt ra trong bối cảnh kinh tế thị trường ở trong nước và trên thị trường thế giới có sự thay đổi không ngừng.

- Có hiểu biết sâu sắc về cả lý luận và thực tiễn chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

- Có định hướng sớm về nghề nghiệp trên cơ sở phát huy sự tự do, chủ động lựa chọn khối kiến thức chuyên sâu trong chương trình đào tạo.

- Có khả năng tạo lập, tổ chức, điều hành, phát triển thực tế hoạt động kinh doanh và doanh nghiệp trên cơ sở hệ thống lý luận và thực tiễn được trang bị.

- Có tác phong và thái độ chuyên nghiệp, nhiệt tình trong công việc; có thể giới quan và tư tưởng chính trị đúng đắn; có ý thức tôn trọng và chấp hành nghiêm túc pháp luật nhà nước, đặc biệt chú trọng các vấn đề về bình đẳng giới trong kinh tế; được rèn luyện để có sức khỏe tốt, đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực và quan hệ rộng mở.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

*1.2.1. Về kiến thức:* Sinh viên sau khi ra trường sẽ được trang bị có hệ thống các kiến thức cơ bản, cơ sở và ngành Quản trị kinh doanh, lựa chọn chuyên sâu 1 trong 3 khối kiến thức: Tài chính và đầu tư, Marketing và thương mại điện tử, Nhân lực và tổ chức. Ngoài ra, chương trình cũng cung cấp bổ sung cho sinh viên những kiến thức cơ sở có tính đặc thù về giới trong mối quan hệ với kinh tế và quản trị kinh doanh.

*1.2.2. Về kỹ năng:* biết vận dụng những kiến thức được học vào giải quyết các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong thực tiễn. Nhóm các học phần kỹ năng sẽ giúp sinh viên giải quyết được các vấn đề của chính mình ngay trong quá trình học tập tại Học viện và khả năng vận dụng trong thực tế kinh doanh và doanh nghiệp, chẳng hạn như: kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng sống, kỹ năng tư duy và sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định, kỹ năng đàm phán, kỹ năng lãnh đạo...

*1.2.3. Về thái độ:* Đào tạo cử nhân quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt. Nắm vững được các nguyên lý của Chủ nghĩa Mác-Lênin và đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Có đạo đức, thái độ và văn hóa kinh doanh hiện đại. Yêu ngành, yêu nghề và đem hết sức mình cống hiến, xây dựng và phát triển kinh tế Việt Nam theo hướng hội nhập, phát triển và phấn đấu bình đẳng giới.

*1.2.4. Về vị trí làm việc sau tốt nghiệp:* với những kiến thức được trang bị một cách cơ bản, chuyên sâu và có tính đặc thù, sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ có nhiều lựa chọn và nhiều cơ hội để thử sức trong những lĩnh vực và ở các vị trí công việc khác nhau. Cụ thể trong các lĩnh vực: dịch vụ công cộng, các tổ chức thương mại/kinh doanh quốc tế, quản trị doanh nghiệp về nhân sự, tài chính, và marketing; các hiệp hội ngành nghề, các tổ chức nghiên cứu và tư vấn về kinh doanh và quản trị doanh nghiệp, hoặc có thể tự khởi sự kinh doanh, thành lập doanh nghiệp...

*1.2.5. Trình độ ngoại ngữ, tin học:* ngoại ngữ trình độ B1 và chuyên ngành; tin học cơ bản, tin học trong kinh doanh.

**2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:** Thời gian tối thiểu để hoàn thành chương trình là 4 năm. Thời gian tối đa là 7 năm.

### **3. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH**

- Những người đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương; ưu tiên đối tượng là phụ nữ đang công tác, cán bộ nguồn, dự nguồn thuộc hệ thống Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

- Tuyển sinh theo qui định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phương án tuyển sinh của Học viện Phụ nữ Việt Nam.

### **4. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp theo qui định của Quy chế đào tạo của Học viện Phụ nữ Việt Nam và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **5. THANG ĐIỂM**

Thang điểm 10 (từ 0 đến 10, làm tròn đến một chữ số thập phân) theo Quy chế đào tạo của Học viện Phụ nữ Việt Nam.

## 6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo theo thiết kế: 134 đơn vị học trình chưa kể phần nội dung về Giáo dục Thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng (165 tiết).

### 6.1. Kiến thức giáo dục đại cương (39 tín chỉ – chưa kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

<b>6.1.1. Lý luận chính trị (10 tín chỉ)</b>			
<b>Stt</b>	<b>Mã học phần</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số tín chỉ</b>
1	DHCT14	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lê nin (học phần 1)	2
2	DHCT13	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lê nin (học phần 2)	3
3	DHCT09	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
4	DHCT10	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt nam	3
<b>6.1.2. Khoa học xã hội (7 tín chỉ)</b>			
5	DHXH01	Xã hội học đại cương	2
6	DHPL07	Pháp luật đại cương	2
7	DHTL12	Tâm lý học đại cương	3
<b>6.1.3. Ngoại ngữ (10 tín chỉ)</b>			
8	DHNT23	Tiếng Anh A1	2
9	DHNT24	Tiếng Anh A2 (học phần 1)	2
10	DHNT25	Tiếng Anh A2 (học phần 2)	2
11	DHNT26	Tiếng Anh B1 (học phần 1)	2
12	DHNT27	Tiếng Anh B1 (học phần 2)	2
<b>6.1.4. Tin học – Khoa học tự nhiên (8 tín chỉ chưa tính GD thể chất và GD quốc phòng)</b>			
12	DHCT11	Logic học đại cương	2
13	DHNT06	Tin học căn bản	3
14	DHNT30	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3

15	DHQQ01	Giáo dục thể chất	3
16	DHQQ02	Giáo dục quốc phòng	165 tiết
<b>6.1.5. Các học phần tự chọn (Chọn 2 (4 tín chỉ) trong 4 học phần)</b>			
17	DHTL18	Kỹ năng sống	2
18	DHTL19	Kỹ năng tư duy	2
19	DHTH21	Kỹ năng xây dựng và phát triển nhóm làm việc	2
20	DHTL20	Kỹ năng giao tiếp	2
<b>6.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (95 tín chỉ)</b>			
<b>6.2.1 Kiến thức cơ sở của khối ngành (9 tín chỉ)</b>			
21	DHKT17	Kinh tế vi mô	3
22	DHKT18	Kinh tế vĩ mô	3
23	DHKT29	Kinh tế học về giới	3
<b>6.2.2. Kiến thức của ngành (56 tín chỉ)</b>			
<b>6.2.2.1. Kiến thức chung của ngành (30 tín chỉ)</b>			
24	DHKT19	Kinh tế lượng	3
25	DHTH11	Nhập môn quản trị kinh doanh	3
26	DHTH15	Giới và quản trị kinh doanh	3
27	DHPR12	Marketing căn bản	3
28	DHPR13	Quản trị Marketing	3
29	DHKT20	Nguyên lý kế toán	3
30	DHKT30	Lý thuyết tài chính – tiền tệ	3
31	DHKT21	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3
32	DHTH08	Quản trị sản xuất	3
33	DHTH10	Quản trị nguồn nhân lực	3

<b>6.2.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành (26 tín chỉ)</b>			
<b>Bắt buộc</b>			
34	DHTH25	Khởi sự kinh doanh	2
35	DHTH28	Thay đổi và phát triển doanh nghiệp	2
36	DHTH07	Quản trị chiến lược	3
37	DHTH16	Quản trị kinh doanh quốc tế	3
38	DHTH26	Quản trị chất lượng	2
39	DHNT21	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD 1	2
40	DHNT22	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD 2	2
<b>Tự chọn (Chọn 1 trong 3 khối kiến thức chuyên sâu)</b>			
<b><i>Khối kiến thức chuyên sâu về Marketing và Thương mại điện tử</i></b>			
41	DHPR22	Hành vi người tiêu dùng	2
42	DHPR17	Quản trị quan hệ khách hàng	2
43	DHPR23	Quản trị chuỗi cung ứng	2
44	DHPR21	Thương mại điện tử	2
45	DHPR24	Marketing xã hội	2
<b><i>Khối kiến thức chuyên sâu về Tài chính và Đầu tư</i></b>			
46	DHKT27	Kế toán quản trị	2
47	DHKT25	Phân tích tài chính doanh nghiệp	2
48	DHKT22	Quản trị dự án đầu tư	2
49	DHKT23	Quản trị rủi ro trong tài chính	2
50	DHKT24	Thanh toán quốc tế	2
<b><i>Khối kiến thức chuyên sâu về Tổ chức và Nhân lực</i></b>			
51	DHTH29	Tuyển dụng, đào tạo và phát triển	2

52	DHTH30	Lương, thưởng và phúc lợi	2
53	DHTH31	Quan hệ lao động	2
54	DHTH32	Quản trị hiệu quả hoạt động	2
55	DHTH24	Hành vi tổ chức	2
<b>6.2.3. Kiến thức bổ trợ (16 tín chỉ)</b>			
<b>Bắt buộc</b>			
56	DHLD14	Pháp luật kinh tế	2
57	DHPR15	Văn hóa kinh doanh	2
58	DHKT24	Thống kê kinh doanh	2
59	DHNC05	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2
60	DHTH22	Kiểm soát trong quản trị kinh doanh	2
<b>Tự chọn (Chọn 3 trong 6 học phần)</b>			
61	DHPR19	Kỹ năng lãnh đạo	2
62	DHPR20	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2
63	DHPR18	Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh	2
64	DHTL15	Tâm lý trong quản trị kinh doanh	2
65	DHPR25	Kỹ năng bán hàng hiện đại	2
66	DHPR16	Ứng dụng CNTT trong kinh doanh	2
<b>6.2.4. Thực tập nghề nghiệp và khóa luận tốt nghiệp (14 tín chỉ)</b>			
67	DHTT03	Thực tập nghề nghiệp (báo cáo thực tập)	7
68	DHKL03	Thi tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp (bảo vệ khóa luận)	7

**Lưu ý:** Tùy theo kết quả học tập của sinh viên trong mỗi khóa khác nhau để quy định tỷ lệ thi hoặc làm tốt nghiệp căn cứ trên điểm học tập trung bình chung toàn khóa (tối thiểu trên 7.0 và tỷ lệ không quá 30%).

Tất cả sinh viên đều phải thực tập nghề nghiệp. Sinh viên không được làm khóa luận phải trình bày báo cáo thực tập và thi tốt nghiệp. Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp phải thực tập nghề nghiệp theo chủ đề khóa luận và bảo vệ khóa luận trước hội đồng.

**7. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY****NĂM THỨ NHẤT (HỌC KỲ 1 - 2)**

<b>HỌC KỲ 1</b>			
<b>TT</b>	<b>TÊN HỌC PHẦN</b>	<b>SỐ TC</b>	<b>ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT</b>
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin (học phần 1)	2	Không
2	Tiếng Anh A1	2	Không
3	Logic học đại cương	2	Không
4	Tin học căn bản	3	Không
5	Tâm lý học đại cương	3	Không
6	Xã hội học đại cương	2	Không
7	Pháp luật đại cương	2	Không
8	Giáo dục thể chất (học phần 1)	45 tiết	Không
<b>Tổng</b>		<b>16 tín chỉ + 45 tiết</b>	
<b>HỌC KỲ 2</b>			
<b>TT</b>	<b>TÊN HỌC PHẦN</b>	<b>SỐ TC</b>	<b>ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT</b>
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin (học phần 2)	3	CN Mác Lênin 1
2	Tiếng Anh 2 (học phần 1)	2	Tiếng Anh A1
3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	Không
4	Kinh tế vi mô	3	Không
5	Học phần tự chọn 1	2	Không
6	Học phần tự chọn 2	2	Không
7	Giáo dục thể chất (học phần 2)	30 tiết	Giáo dục thể chất (HP 1)
8	Giáo dục quốc phòng - an ninh (học phần 1)	90 tiết	
<b>Tổng</b>		<b>15 tín chỉ + 120 tiết</b>	

**NĂM THỨ HAI (HỌC KỲ 3 - 4)**

<b>HỌC KỲ 3</b>			
<b>TT</b>	<b>TÊN HỌC PHẦN</b>	<b>SỐ TC</b>	<b>ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT</b>
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	CN Mác-Lênin 2
2	Tiếng Anh A2 (học phần 2)	2	Tiếng Anh A2 (học phần 1)
3	Kinh tế vĩ mô	3	Kinh tế vi mô
4	Nguyên lý kế toán	3	Kinh tế vi mô
5	Nhập môn quản trị kinh doanh	3	Kinh tế vi mô

6	Marketing căn bản	3	Kinh tế vi mô
7	Giáo dục quốc phòng - an ninh (học phần 2)	75 tiết	Quốc phòng - an ninh 1
<b>Tổng</b>		<b>16 TC + 75 tiết</b>	
<b>HỌC KỲ 4</b>			
<b>TT</b>	<b>TÊN HỌC PHẦN</b>	<b>SỐ TC</b>	<b>ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT</b>
1	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2	Tiếng Anh B1 (học phần 1)	2	Tiếng Anh A2 (học phần 2)
3	Kinh tế học về giới	3	Kinh tế vĩ mô
4	Quản trị Marketing	3	Marketing căn bản
5	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	Kinh tế vi mô
6	Quản trị sản xuất	3	Nhập môn Quản trị kinh doanh
7	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	Nhập môn Quản trị kinh doanh
<b>Tổng</b>		<b>19 TC</b>	

### NĂM THỨ BA (HỌC KỲ 5 - 6)

<b>HỌC KỲ 5</b>			
<b>TT</b>	<b>TÊN HỌC PHẦN</b>	<b>SỐ TC</b>	<b>ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT</b>
1	Tiếng Anh B1 (học phần 2)	2	Tiếng Anh B1 (học phần 1)
2	Kinh tế lượng	3	Lý thuyết xác suất thống kê
3	Giới và quản trị kinh doanh	3	Kinh tế học về giới
4	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	Lý thuyết tài chính tiền tệ
5	Quản trị nguồn nhân lực	3	Nhập môn Quản trị kinh doanh
6	Văn hóa kinh doanh	2	Nhập môn Quản trị kinh doanh
7	Khởi sự kinh doanh	2	Nhập môn Quản trị kinh doanh
<b>Tổng</b>		<b>18 TC</b>	
<b>HỌC KỲ 6</b>			
<b>TT</b>	<b>TÊN HỌC PHẦN</b>	<b>SỐ TC</b>	<b>ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT</b>
1	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD 1	2	Tiếng Anh B1 (học phần 2)
2	Thay đổi và phát triển doanh nghiệp	2	Khởi sự kinh doanh
3	Quản trị chiến lược	3	Khởi sự kinh doanh
4	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	Khởi sự kinh doanh



5	Quản trị chất lượng	2	Khởi sự kinh doanh
6	Thống kê kinh doanh	2	Kinh tế lượng
7	Kiểm soát trong quản trị kinh doanh	2	Nhập môn Quản trị kinh doanh
8	Học phần bổ trợ - tự chọn 1	2	Không
<b>Tổng</b>		<b>18 TC</b>	

### NĂM THỨ TƯ (HỌC KỲ 7 - 8)

<b>HỌC KỲ 7</b>			
TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
1	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD 2	2	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD 1
2	Pháp luật kinh tế	2	Pháp luật đại cương
3	Học phần chuyên sâu 1	2	Theo khối học phần chuyên sâu tự chọn
4	Học phần chuyên sâu 2	2	
5	Học phần chuyên sâu 3	2	
6	Học phần chuyên sâu 4	2	
7	Học phần chuyên sâu 5	2	
8	Học phần bổ trợ - tự chọn 2	2	Không
9	Học phần bổ trợ - tự chọn 3	2	Không
<b>Tổng</b>		<b>18 TC</b>	
<b>HỌC KỲ 8</b>			
TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
1	Thực tập nghề nghiệp	7	
2	Thi tốt nghiệp/ Bảo vệ Khóa luận tốt nghiệp	7	Hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo
<b>Tổng</b>		<b>14 TC</b>	

## 8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Nhằm định hướng ứng dụng nghề nghiệp, khi xây dựng từng học phần chú trọng đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học của sinh viên.

### *8.1. Về việc xây dựng đề cương chi tiết học phần*

Chương trình đã phân bổ cụ thể về thời lượng lý thuyết và thực hành/thảo luận cho các học phần theo đúng quy định.

Căn cứ vào thực tiễn dạy học và chương trình phổ thông mới, các bộ môn xây dựng nội dung chi tiết học phần cần chú ý đến những kiến thức, kỹ năng phục vụ trực tiếp và thiết thực cho việc đào tạo. Các bộ môn chú ý tính kế thừa và thống nhất của

các học phần trong và ngoài bộ môn. Ngoài ra, cần chú trọng lồng ghép các vấn đề về giới và bình đẳng giới trong nội dung của từng học phần.

### **8.2. Về phương pháp giảng dạy**

Phương pháp đào tạo nói chung và phương pháp dạy học nói riêng sẽ hướng vào việc tổ chức cho sinh viên học tập với ý thức tự giác, chủ động, tích cực và sáng tạo, gắn liền với thực tiễn. Cụ thể:

- Sử dụng các hình thức thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm kinh doanh thực tế, bài tập nghiên cứu, hoạt động nhóm trong học tập.

- Thông qua dạy học các học phần, chú ý đến việc rèn luyện cho sinh viên phương pháp và kỹ năng tự học, kỹ năng giao tiếp và hợp tác...

- Các học phần chuyên ngành phải có sự lồng ghép ít nhất 1 buổi trao đổi kinh nghiệm thực tế về một vấn đề thuộc học phần giữa doanh nhân và sinh viên.

### **8.3. Về đánh giá kết quả học tập**

Qui định cụ thể trong Qui chế đào tạo – Học viện Phụ nữ Việt Nam.

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN**



**TS. Trần Quang Tiến**